TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **229**/2022/DS-ST
Ngày: 27/6/2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Trúc Mai.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đỗ Thụy Thúy Nga.**

2. Ông **Lê Văn Minh.**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Đàm Thị Ngọc Ánh**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 03 năm 2022 về tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2022/QĐXXST-DS ngày 23/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2022/QĐST-DS ngày 10/6/2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn***: Nguyễn Ngọc H** (tên thường gọi là H1), sinh năm 1973;

Địa chỉ: Tổ 9, ấp PT, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Thị Ngọc T** (tên thường gọi là UT), sinh năm 1981;

Địa chỉ: ấp PL, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt chị H; vắng mặt chị T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 08/3/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Nguyễn Ngọc H trình bày:*

Do chỗ quen biết nhiều năm, có gian hàng bán trong cùng khu chợ ở chợ Phú Phong thuộc xã Phú Phong, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, nên chị Nguyễn Ngọc H có cho chị Nguyễn Thị Ngọc T vay tiền hai lần, cụ thể:

- Ngày 19/3/2018 (âm lịch), chị H cho chị T vay 10.000.000 đồng để chị T lo xây nhà.

- Ngày 07/4/2018 (âm lịch), chị H cho chị T vay 10.000.000 đồng để chị T mua vàng cưới vợ con trai.

Tổng số nợ cả hai lần vay là 20.000.000đồng, chị T đều có viết giấy mượn nợ cho chị H, chị H cho vay không tính lãi. Tuy trong giấy ghi nội dung khoản vay không thể hiện thời hạn trả nợ vay, nhưng đôi bên thống nhất khoảng từ 01 đến 02 tháng sau kể từ ngày 07/4/2018 âm lịch chị T sẽ trả đủ 20.000.000đồng cho chị H.

Từ tháng 6/2018 âm lịch đến nay, mặc dù chị đã nhiều lần nhắc nhở chị T trả nợ vay cho chị, nhưng đến nay chị T vẫn chưa trả. Do đó, chị yêu cầu Tòa án buộc chị T trả cho chị 20.000.000đồng tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh tạm tính từ ngày 16/5/2018 âm lịch đến ngày 16/01/2022 âm lịch là 7.500.000 đồng. Tổng cộng cả tiền nợ gốc và tiền lãi là 27.500.000 đồng. Yêu cầu trả 01 lần, ngay khi bản án có hiệu lực.

* *Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Thị Ngọc T* đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để tham gia phiên hòa giải, công khai chứng cứ, thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ, nhưng chị T đều vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản nêu ý kiến gửi Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

Tại phiên tòa hôm nay

Chị H thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị T trả cho chị 20.000.000đồng tiền nợ gốc, yêu cầu trả đủ ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Chị H không yêu cầu chị T trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ như đã trình bày trong đơn khởi kiện.

Bị đơn T vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét, Tòa án đã hai lần triệu tập hợp lệ Bị đơn T tham dự phiên tòa sơ thẩm, nhưng chị T vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt chị T.

Đối với việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị H, xét đây là sự tự nguyện của chị H, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] - *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*".

[3] - *Về nội dung yêu cầu khởi kiện:*

Tại phiên tòa, chị H trình cho Hội đồng xét xử bản gốc giấy tờ ghi nội dung hai lần chị T vay tiền của chị H (là tên thường gọi của chị Nguyễn Ngọc H), cụ thể: Vào ngày 19/3/2018 âm lịch, vay 10.000.000đồng và ngày 07/4/2018 âm lịch vay 10.000.000đồng. Tổng cộng hai khoản vay là 20.000.000đồng (bút lục 08, 17).

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho chị T từ giai đoạn thụ lý vụ án, đến giai đoạn hòa giải - công khai chứng cứ, thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ và giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định pháp luật tố tụng dân sự, nhưng chị T vẫn vắng mặt không lý do. Chị T cũng không gửi bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến của chị đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhất là đối với giấy ghi nhận số tiền nợ mà chị còn nợ chị H. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử nhận định việc chị T vay tiền chị H 02 lần, tổng cộng 20.000.000 đồng là có thật.

Từ ngày vay tiền đến nay, chị T không trả được bất kỳ khoản nợ gốc nào cho chị H, là đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị H. Do đó, nay chị H yêu cầu chị T trả cho chị 20.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp với

quy định tại Điều 463 và Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự, nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 463, Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Ngọc H.

Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc T phải trả cho chị Nguyễn Ngọc H **20.000.000 (hai mươi triệu) đồng** ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị T chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí: Chị T phải chịu **1.000.000**đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị H số tiền tạm ứng án phí **688.000đồng** mà chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004150 ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3/ Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

ĐÃ KÝ

HUỲNH THỊ TRÚC MAI

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang.
- VKSND huyện Châu Thành.
- Chi cục THADS.HCT.
- Cácđương sự.
- Lưu HSVA.